

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 7 năm 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:*** Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 15/7/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Phan Thị Y, sinh năm 1981

HKTT: Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Chỗ ở: Số 08, đường N, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà A, thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phan Thị Y trình bày:***

+ Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh L lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang vào ngày 09/5/2003. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến ngày 30/5/2019 thì vợ chồng xảy ra

mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến việc thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Anh chị cũng ly thân từ đó đến nay. Chị đã từng gửi đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhưng do muốn để cho vợ chồng có cơ hội đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nên chị đã rút đơn khởi kiện tại Tòa án và Tòa án đã đình chỉ vụ án của chị. Nhưng từ khi chị rút đơn về anh L vẫn không thay đổi được, vợ chồng chị vẫn không thể hòa thuận mà còn xa cách hơn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

+ Về con chung: Chị và anh L có một con chung là Hoàng Đức T, sinh ngày 09/9/2003. Hiện nay cháu T đang ở với chị. Khi vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh chị tự thỏa, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 10/7/2020 bị đơn là anh Hoàng Văn L trình bày:*

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, quyết định cung cấp chứng cứ, các thông báo phiên họp, thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp và quyết định xét xử của Tòa án do bố đẻ anh là ông Hoàng Văn L giao cho (vì anh là lái xe đường dài nên rất ít khi ở nhà có về thì chỉ tranh thủ về lúc tối muộn sau đó lại đi sớm).

+Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Y lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang vào ngày 09/5/2003. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến ngày 30/5/2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến việc thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, giữa anh chị không có sự đồng cảm và chia sẻ trong cuộc sống, kinh tế cũng như bất đồng về nuôi dạy con cái. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng giữa anh chị không thay đổi được. Anh chị cũng ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vì vậy anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Y để giải phóng cho cả hai bên.

+ Về con chung: Anh và chị Y có một con chung là Hoàng Đức T, sinh ngày 09/9/2003. Hiện nay cháu T đang ở với chị Y. Khi vợ chồng ly hôn, do cháu T có nguyện vọng ở với mẹ nên anh đồng ý để chị Y nuôi dưỡng con chung. Vấn

đề cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu chứng cứ thu thập được:*

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2020, con chung của anh L và chị Y là cháu Hoàng Đức T trình bày: Hiện cháu đang học lớp 10A8, trường THPT T, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Hiện cháu đang ở với mẹ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Lý do cháu thích ở với mẹ hơn vì từ lâu cháu đã ở với mẹ, hiện tại cuộc sống của mẹ con cháu rất tốt. Không có ai xui, dọa cháu về việc cháu thích ở với bố, hay thích ở với mẹ hơn, cũng không ai xui, dọa cháu là phải về ở với mẹ. Mẹ luôn chăm sóc và dạy bảo cháu, cháu cũng thương bố nhưng bố cháu thường xuyên đi làm xa không có nhà nên cháu vẫn muốn ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 21/5/2020, ông Trần Văn H là trưởng thôn Đồng, xã T cung cấp: Chị Y và anh L kết hôn với nhau năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống ngay với nhau tại địa phương. Quá trình sinh sống tại địa phương chị Y, anh L có quan hệ bình thường với hàng xóm láng giềng, không để xảy ra điều tiếng gì. Tuy nhiên khoảng một năm trước thì vợ chồng anh chị Y Luận xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì ông không biết, chỉ biết chị Y đã mang con chung bỏ đi khỏi nhà không sống cùng anh L nữa. Vợ chồng anh chị Y L cũng đã ly thân từ thời gian đó đến nay. Chị Y và anh L có 01 con chung là Hoàng Đức T, sinh năm 2003, từ khi chị Y bỏ đi đến nay thì cháu T cũng đi cùng với mẹ và ở cùng mẹ từ đó đến nay. Hiện nay anh L làm nghề lái xe còn chị Y làm nghề tự do nhưng ông không nắm được thu nhập cụ thể của chị Y và anh L là bao nhiêu.

Tại biên bản xác minh ngày 29/5/2020, biên bản làm việc ngày 29/6/2020 ông Hoàng Văn L là bố đẻ anh L cung cấp: Ông là bố đẻ của anh L và bố chồng của chị Y. Anh L hiện đang làm nghề lái xe đường dài thường xuyên đi xa chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, anh L vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình bằng điện thoại. Anh L và chị Y kết hôn với nhau năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống ngay với nhau tại địa phương. Quá trình chung sống chị Y, anh L có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên do anh L vay nợ nhiều không trả được, mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên chị Y đã mang con chung bỏ đi khỏi nhà khoảng một năm trước. Vợ chồng anh chị Y Luận cũng đã ly thân được một năm nay. Chị Y và anh L có 01 con chung là Hoàng Đức T, sinh năm 2003. Hiện nay cháu T đang ở với chị Y. Nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh L thì gia đình ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh L. Mọi văn bản tố tụng của

Tòa án nhờ ông nhận thay và cam đoan giao lại cho anh L, sau khi nhận ông đều đã thông báo và giao lại đầy đủ cho anh L.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh L vắng mặt không có lý do, Tòa án không tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 10/7/2020, anh L đã đến Tòa án nộp bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay anh L và chị Y đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Y và xử cho chị Y được ly hôn anh Hoàng Văn L. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức T, sinh ngày 09/9/2003 cho chị Phan Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Phan Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Phan Thị Y và bị đơn là anh Hoàng Văn L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Y và anh Hoàng Văn L kết hôn ngày 09/5/2003 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị Y và anh L là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 5/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xích mích, cãi vã với nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Chị Y yêu cầu ly hôn, anh L cũng xác định vợ chồng không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn với chị Y. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Y là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Y và anh L có một con chung là Hoàng Đức T, sinh ngày 09/9/2003. Hiện nay cháu T đang ở với chị Y. Khi vợ chồng ly hôn, do cháu T có nguyện vọng ở với mẹ nên anh L đồng ý để chị Y nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao cháu T cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Y và anh L không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Phan Thị Y được ly hôn anh Hoàng Văn Luận.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Hoàng Đức T, sinh ngày 09/9/2003 cho chị Phan Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Y không yêu cầu. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Phan Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Y đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001252 ngày 11/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B,
- CCTHADS TP. B,
- UBND xã T, thành phố B.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng